

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2023

Về việc tranh chấp về xác định
cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Tạ Văn Doanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; trú tại thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995; trú tại thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1987; trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2013, chị đăng ký kết hôn với anh Đỗ Văn T1. Và có được 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 31/3/2013 và Đỗ Nguyệt Á, sinh ngày 06/7/2015. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T1 nảy sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được, đã ly thân từ tháng 3 năm 2019. Đến tháng 12/2022, chị và anh T1 đã giải quyết ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã giải quyết cho chị và anh T1 ly hôn, về con chung: giao con chung là Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 31/3/2013 và Đỗ Nguyệt Á, sinh ngày 06/7/2015 cho anh Đỗ Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

Trong thời gian ly thân với anh Đỗ Văn T1 thì chị đã quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Bùi Văn T. Đến ngày 21/05/2022, chị sinh con tại Phòng khám Đ, dự định đặt tên là Bùi Ngọc M nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Mặc dù anh M sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T1 nhưng chị xác định chị và anh T1 đã ly thân từ trước đó (tháng 3/2019) nên cháu M không phải con chung của chị và anh T1.

Ngày 24/3/2023, chị đăng ký kết hôn với anh T tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Kết quả giám định ADN của Công ty TNHH D1 giữa anh Bùi Văn T và cháu Bùi Ngọc M cho kết quả anh T có quan hệ huyết thống cha-con với cháu M, tỷ lệ là 99,999999%.

Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh Bùi Văn T cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21-5-2022 (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái).

** Tại Bản tự khai, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày :*

Năm 2021, anh quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị H. Sau đó anh được biết chị Nguyễn Thị H đã đăng ký kết hôn với anh Đỗ Văn T1 nhưng đã ly thân từ tháng 03 năm 2019. Đến tháng 02-2023, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã giải quyết cho chị H và anh Đỗ Văn T1 ly hôn. Đến ngày 24/3/2023, anh và chị Nguyễn Thị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Trong thời gian quen biết chị Nguyễn Thị H thì đến ngày 21/5/2022, chị Nguyễn Thị H sinh con tại Phòng khám Đ, dự định đặt tên là Bùi Ngọc M nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con.

Anh cùng cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D1, kết quả xét nghiệm xác định anh và cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M có mối quan hệ cha – con, xác suất 99,999999%. Hiện nay anh và chị Nguyễn Thị H đều chưa đăng ký khai sinh được cho cháu M vì

thời điểm chị Nguyễn Thị H sinh cháu M thì chị H và anh Đỗ Văn T1 chưa làm thủ tục ly hôn. Tuy nhiên anh xác định chị H và anh Đỗ Văn T1 đã ly thân từ trước đó rất lâu, cả hai không có quan hệ tình cảm gì nên cháu M không phải con chung của chị H và anh T1 mà là con chung của anh và chị H.

Nay chị H đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21-5-2022 (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái) thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 7 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T1 trình bày:*

Anh và chị H kết hôn từ năm 2013, sau khi kết hôn thì sống chung tại thôn Tính Luát, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2020 đến năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân, không có quan hệ vợ chồng với nhau. Đến ngày 28/02/2023, anh và chị H chính thức ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống trước đây anh và chị H chỉ có hai con chung là Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 31/3/2013 và Đỗ Nguyệt Á, sinh ngày 06/7/2015. Thời điểm từ năm 2020 đến đầu năm 2023 anh và chị H không có quan hệ tình dục, không có quan hệ vợ chồng nên không có thêm con chung. Còn trong quá trình ly thân thì chị H có phát sinh quan hệ với người khác dẫn đến có con riêng của chị H, anh không phải của cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M. Anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời do công việc bận nên anh không thể tham gia phiên tòa giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

** Tại Văn bản số 012405/2023/CV-ADN ngày 23 tháng 5 năm 2023: Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 đã cung cấp: Công ty có thực hiện việc giám định xác định quan hệ huyết thống giữa Bùi Văn T (số căn cước công dân: 024095005271 cấp ngày 17-12-2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) với cháu Bùi Ngọc M (Giấy chứng sinh: Quyển số 01 cấp ngày 24-5-2022 tại Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái). Công ty đã ban hành Kết quả giám định ADN số KQ20625323 ngày 27-4-2023 đối với anh Bùi Văn T (cha giả định) với cháu Bùi Ngọc M (con giả định). Kết quả xét nghiệm như sau:*

“Người có mẫu ghi tên Bùi Văn T CÓ quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên Bùi Ngọc M với độ tin cậy 99,999999%.”

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**, bị đơn anh **Bùi Văn T**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Đỗ Văn T1** vắng mặt. Hội đồng xét xử đã tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101; khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**: Xác định anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1983; trú tại **thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang** là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là **Bùi Ngọc M**, sinh ngày 21-5-2022 (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của **Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái**).

- Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử về quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị H** yêu cầu Tòa án xác định anh **Bùi Văn T** là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là **Bùi Ngọc M**, sinh ngày 21-5-2022 (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của **Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái**); anh **Bùi Văn T** có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 28; Điều 35; Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 101, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định đây là quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**, bị đơn anh **Bùi Văn T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Đỗ Văn T1** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

quy định tại Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T, anh Đỗ Văn T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[3.1] Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T1 kết hôn vào năm 2013. Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T1 nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2020 đến ngày 28/02/2023 thì ly hôn. Trong thời gian ly thân và chưa làm thủ tục ly hôn với anh Đỗ Văn T1, chị Nguyễn Thị H đã chung sống như vợ chồng với anh Bùi Văn T. Ngày 21/5/2022, chị Nguyễn Thị H sinh cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái). Tại khoản 1, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”. Như vậy, thời điểm cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M sinh ra (ngày 21/5/2022) là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T1.

[3.2] Tại Khoản 2, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn T và anh Đỗ Văn T1 cùng xác định mặc dù cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh T1 nhưng thực tế thì chị Nguyễn Thị H đã ly thân anh Đỗ Văn T1 từ năm 2020. Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T1 không có quan hệ tình cảm gì, không có việc quan hệ vợ chồng, không liên lạc hỏi thăm gì nhau. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92- Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M không phải con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T1.

[3.3] Tại Kết quả giám định ADN số KQ20625323 ngày 27/4/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 đã kết luận: “Người có mẫu ghi tên Bùi Văn T có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên Bùi Ngọc M với độ tin cậy 99,999999%.”.

[3.4] Từ những đánh giá trên, căn cứ vào Kết quả giám định, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cần xác định anh Bùi Văn T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Bùi Ngọc M (theo Giấy chứng sinh ngày 24-01-2023, quyển số 09 của Bệnh viện Đ1) là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Vụ án này được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do vậy các đương sự trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101, khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**: Xác định anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1995; trú tại **thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang** (số căn cước công dân: 024095005271 cấp ngày 17-12-2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là **Bùi Ngọc M** (theo Giấy chứng sinh ngày 24-5-2023, quyển số 1 của **Phòng khám Đ, tỉnh Yên Bái**).

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng